TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TH **TỈNH TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 24/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 28/5/2020
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH - TỈNH TH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Ông Phạm Khắc Mã

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 05 năm 2020 tại hội trường, Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 958/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐSTHNGĐ, ngày 08 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 (Có mặt)

HKTT: Tổ 06, xã Thanh Đình, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Phạm Tuyết P, sinh năm 1963

HKTT: Tổ 26, phường Trung Thành, TP TH, tỉnh TH. (Chị P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày*: Anh và chị Phạm Tuyết P kết hôn năm 1985, do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Thành, TP. TH, tỉnh TH. Vợ chồng anh có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1988 và Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1995. Đều đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không hiểu và thông cảm được cho nhau nên năm 2016 anh đã quyết định về quê, sống ly

thân với chị P từ thời gian đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu cho anh được ly hôn với chị P để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh đề nghị hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh H nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải chị Phạm Tuyết P thể hiện quan điểm: Anh chị kết hôn năm 1985, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chị có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1988 và Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1995. Đều đã trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mẫu thuẫn, không khí gia đình luôn căng thẳng, do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau . Năm 2016 vợ chồng chị đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh H làm đơn yêu cầu ly hôn với chị, quan điểm của chị không nhất trí ly hôn, chị muốn để các con của anh chị ổn định và xây dựng gia đình xong thì mới đồng ý ly hôn.

Trường hợp nếu anh H dứt khoát ly hôn về con chung đều đã trưởng thành, Về tài sản chung vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập đến để giải quyết. Chị P có viết bản tự khai, nhận các văn bản tố tụng, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải tuy nhiên chị P thể hiện quan điểm không nhất trí ly hôn với anh H mặc dù xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị P nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử,. Do đó các đương sự không thể cùng nhau thỏa thuận để giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TH.

Tại phiên tòa hôm nay chị P đã được tống đạt hợp lệ trực tiếp các văn bản của Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử, nhưng chị xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị P.

[2]. *Về nội dung:* Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Tuyết P kết hôn năm 1985, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố TH, tỉnh TH, trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo anh H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, luôn không có sự tôn trọng, cảm thông chia sẻ trong cuộc sống. Do không thể hòa giải được những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình anh H đã bỏ về quê ở từ năm 2016 đến nay. Vợ chồng anh ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Tại phiên tòa hôm nay anh H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Anh đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn với lý do, để con cái ổn định cuộc sống riêng, thì chị mới đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và kéo dài, thời gian ly thân đã lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho hai bên, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. Về con chung: Đều đã trưởng thành nên không xem xét

[4]. Về tài sản chung, nợ chung**:** Anh H và chị P xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết tại phiên tòa ngày hôm nay. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện bằng vụ kiện khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[5]. **Về án phí:** Anh H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Cho anh H được ly hôn với chị Phạm Tuyết P,

2. Về con chung: Đều đã trưởng thành nên không xem xét

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Anh H phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002482 ngày 12/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Anh H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnhTN;
- Đương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Thư

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TH
TỈNH TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TH, ngày 07 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán, chủ toạ phiên toà:*Bà Nguyễn Thị Thu Hà

* *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 09 giờ, ngày 07/5/2019 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988.
Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố TH, tỉnh TH.
Bị đơn: Anh Dương Anh Dũng, sinh năm 1975.
Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố TH, tỉnh TH.

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật

Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

***2. Tuyên xử*:**

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hà, cho chị Hà được ly hôn với anh Dương Anh Dũng.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Dương Đức Anh, sinh ngày 28/9/2009 và Dương Khánh Ly, sinh ngày 04/5/2014, cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Dũng được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị Hà không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Hà phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007208 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**